

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123/2026/HS-ST**
Ngày 25 - 5 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thế Vinh và ông Nguyễn Hồng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Phan T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 15 tháng 8 năm 1983 tại thành phố H; giới tính: Nam; số căn cước công dân: 046083003921; nơi thường trú: Thôn H, xã P, thành phố H; nơi ở hiện tại: Thôn H, xã P, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; con ông Phan S và bà Lê Thị L; vợ: Chưa có, con: 01 con, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/11/2025, chuyển tạm giam từ ngày 08/12/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Hương Thủy cơ sở 2, Công an thành phố H. Có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Huyền T2, sinh năm 1984; số CCCD: 046184009557.

Địa chỉ: B H, phường A, thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; số CCCD: 046158001015.

Địa chỉ: 1 Bà T, phường T, thành phố H. Có mặt.

2. Anh Võ Thanh T3, sinh năm 1992; số CCCD: 046092001578.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 19/11/2025, Phan T đi đến nhà chị Lê Thị Huyền T2, địa chỉ: số nhà B, đường H, phường A, thành phố H để tìm gặp chị T2. T đi vào trong phòng ngủ thì gặp chị T2 đang ngồi ở đó, do giữa hai người có mâu thuẫn với nhau về chuyện tình cảm trước đó nên chị T2 không nói chuyện với T mà bỏ đi ra ngoài. T ngồi trong phòng một mình thì phát hiện kết sắt để tại phòng ngủ có gắn chìa khóa, không khóa mặt khóa. Quan sát không có ai nên T mở kết sắt lấy 01 hộp nữ trang bên trong có 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1,2 x 16) cm; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có chữ, số “Kim Tín Duy Mong 24K-20”, 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, có đính mặt đá hình elip, màu tím, mặt trong có chữ, số “Duy Mong 20” bỏ vào túi quần rồi đi khỏi nhà, đem về cất giấu tại nhà của mình ở thôn H, xã P, thành phố H. Đến ngày 25/11/2025, T đem 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có chữ, số “Kim Tín Duy Mong 24K-20” và 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, có đính mặt đá hình elip, màu tím, mặt trong có chữ, số “Duy Mong 20” đến cửa hàng V do anh Võ Thanh T3 làm chủ bán được số tiền 54.600.000 đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Còn lại 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1,2 x 16) cm, T cất dấu ở nhà của mình thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thu giữ.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) vòng đeo tay kim loại có màu vàng, kích thước 1,5 cm x 16 cm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng, bên trong có ghi dòng chữ “Kim Tín Duy Mong 24K-20”, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) nhẫn bằng kim loại, màu vàng, có đính mặt đá màu tím, bên trong có ghi dòng chữ “Duy Mong 20”, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) đĩa CD chứa video hình ảnh người đàn ông đến bán vàng ngày 25/11/2025.

- 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi của số điện thoại 0848666039 và cuộc gọi video có chứa nội dung Phan T có lời nói đe dọa.

* Ngày 29/11/2025, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Q kết luận:

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính mặt đá hình elip màu tím, mặt trong có chữ, số “Duy Mong 20”, có hàm lượng vàng 99,35%, khối lượng 7,511 gam.

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có chữ, số “Kim Tín Duy Mong 24K-20”, có hàm lượng vàng 99,91%, khối lượng 7,497 gam.

- 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, kích thước 1,5 x 16 cm, có hàm lượng vàng 98,64%, khối lượng 18,726 gam.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 05/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự phường A kết luận: Thời điểm định giá ngày 19/11/2025:

- 01 (một) nhẫn kiểu có đính đá màu tím, khắc dòng chữ “Duy Mong” có hàm lượng vàng 99,35%, khối lượng 7,511 gam có giá trị 28.177.185,5 đồng.

- 01 (một) nhẫn tròn khắc dòng chữ “Kim Tín Duy Mong 24K-20” có hàm lượng vàng 99,91%, khối lượng 7,497 gam có giá trị 28.283.194 đồng.

- 01 (một) vòng đeo tay có hàm lượng vàng 98,64%, khối lượng 18,726 gam có giá trị 69.747.728 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Phan T chiếm đoạt được là 126.208.107,5 (một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm linh tám nghìn một trăm linh bảy phẩy năm) đồng.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại bà Nguyễn Thị H 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính mặt đá hình elip màu tím, mặt trong có chữ, số “Duy Mong” có hàm lượng vàng 99,35%, khối lượng 7,511 gam; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có chữ, số “Kim Tín Duy Mong 24K-20” có hàm lượng vàng 99,91%, khối lượng 7,497 gam; 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, kích thước 1,5 x 16 cm có hàm lượng vàng 98,64%, khối lượng 18,726 gam.

Hiện còn tạm giữ: 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi hình ảnh người đàn ông giao dịch tại cửa hàng vàng Phú Quý; 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi của số điện thoại 0848666039.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Huyền T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Võ Thanh T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 54.600.000 đồng. Hiện nay, bị cáo chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSKV1 ngày 16/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Phan T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản nên không xem xét. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Võ Thanh T3 số tiền 54.600.000 đồng. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị hại chị T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Võ Thanh T3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 54.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến, khiếu nại gì, nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào ngày 19/11/2025, tại nhà của chị Lê Thị Huyền T2 ở số B, đường H, phường A, thành phố H, bị cáo Phan T có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị Huyền T2 là 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng và 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có tổng giá trị là 126.208.107,5 (một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm linh tám nghìn một trăm linh bảy phẩy năm) đồng. Hành vi nêu trên của Phan T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Do đó, bản Cáo trạng số 05/CT-VKSKV1 ngày 16/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Phan T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Phan T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, có tính chất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phan T có nhân thân tốt. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi hình ảnh người đàn ông giao dịch tại cửa hàng vàng Phú Quý; 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi của số điện thoại 0848666039. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Huyền T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị H1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Võ Thanh T3 có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 54.600.000 đồng đã đưa cho bị cáo, hiện bị cáo vẫn chưa bồi thường. Do đó, **buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Võ Thanh T3 số tiền là 54.600.000 đồng.**

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo Phan T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu là: **54.600.000 đồng x 5% = 2.730.000** (hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Xử phạt bị cáo Phan T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 29/11/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc bị cáo Phan T phải bồi thường cho anh Võ Thanh T3 số tiền là 54.600.000 (năm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi hình ảnh người đàn ông giao dịch tại cửa hàng vàng Phú Quý; 01 (một) đĩa CD chứa video cuộc gọi của số điện thoại 0848666039.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Phan T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.730.000 (hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Huế;
- Phòng PV 06 CA thành phố Huế;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 - Huế;
- Cơ sở giam giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quỳnh Châu

